

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-3-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Hoàng Dũ.

Bà Nguyễn Thị Phương Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23, 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/TB-TA ngày 09 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Thị Mỹ L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp Ph, xã Ph, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Trương Văn B, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp Ph, xã Ph, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị L có mặt tại phiên tòa, anh B vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của nguyên đơn Võ Thị Mỹ L: Vào năm 2006, chị L và anh B yêu thương nhau và được hai bên gia đình chấp thuận tổ chức lễ cưới cho chị L và anh B về chung sống với nhau, đến ngày 07-5-2007 chị L và anh B mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Trong

quan hệ hôn nhân chị L và anh B có 02 con chung tên Trương Anh K, sinh ngày 22-02-2007 và Trương Thị Thảo V, sinh ngày 14-8-2011, hiện K và V đều đang sống chung với chị L. Chị L và anh B chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong thời gian vợ chồng đi làm thuê ở Bình Dương anh B lâm vào cảnh ăn chơi cờ bạc, rượu chè, ngoài ra còn nhiều lần ra tay bóp cổ, đánh đập và còn hăm dọa sẽ giết chết chị L. Sống chung với anh B chị L sợ không biết sẽ bị giết chết lúc nào nên chị L đã ly thân với anh B từ đầu tháng 11-2019 đến nay, trong thời gian ly thân thì chị L và anh B cũng không hàn gắn tình cảm lại được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có sống chung lại cũng không hạnh phúc nên chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị Võ Thị Mỹ L yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn B vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị L yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Trương Anh K, sinh ngày 22-02-2007 và Trương Thị Thảo V, sinh ngày 14-8-2011, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời trình bày của bị đơn Trương Văn B: Anh B và chị L cưới nhau về sống chung từ năm 2006, đến ngày 07-5-2007 anh B và chị L mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp. Anh B và chị L có 02 con chung tên Trương Anh K, sinh ngày 22-02-2007 và Trương Thị Thảo V, sinh ngày 14-8-2011, hiện đều đang sống chung với chị L. Do thời gian trước đây khi vợ chồng anh B và chị L còn làm thuê ở Bình Dương thì anh B có ăn chơi cờ bạc, rồi cũng có khi nhậu nhẹt và vì anh B ghen tuông nên lúc say sấn anh B không kiềm chế được nên cũng có lúc ra tay đánh đập chị L nên chị L mới khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh B. Nay anh B đã nhận ra được lỗi lầm, anh B mong chị L tha thứ cho anh B, cho anh B một cơ hội để vợ chồng hàn gắn. Vì vậy qua yêu cầu khởi kiện của chị L thì anh B có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh B không đồng ý ly hôn với chị L vì anh B rất thương vợ con, mong Tòa án động viên hàn gắn để vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng nhau chăm lo cho con cái ăn học.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh B đồng ý tự nguyện giao con chung tên Trương Anh K, sinh ngày 22-02-2007 cho chị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh B yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trương Thị Thảo V, sinh ngày 14-8-2011. Anh B không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con và cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá

trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh B sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống vợ chồng rất hạnh phúc, tuy nhiên trong quan hệ hôn nhân làm phát sinh những quan điểm bất đồng dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng mà chị L và anh B không thể dung hòa được, kéo theo đó là tình cảm vợ chồng bị rạn nứt nên chị L và anh B không chung tay lo lắng cho cuộc sống chung của gia đình nữa, từ đó khó có thể hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng. Thực tế chị L và anh B đã sống ly thân từ tháng 11-2019 cho đến nay, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên thấy cần thiết phải chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Mỹ L.

Về con chung: Hiện tại hai cháu Trương Anh K, sinh ngày 22-2-2007 và Trương Thị Thảo V, sinh ngày 14-8-2011 đều sống chung với chị L và có nguyện vọng sống chung với chị L nếu Tòa án giải quyết cho chị L và anh B ly hôn. Chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi 02 con chung, do vậy chấp nhận yêu cầu nuôi 02 con chung của chị L, chị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Trương Anh K, Trương Thị Thảo V, anh B có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Căn cứ các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Trương Văn B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với các điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị L và anh B sống chung có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp ngày 07-5-2007 nên hôn nhân của chị L và anh B là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống giữa chị L và anh B có mâu thuẫn nên chị L khởi kiện ly hôn với anh B tại Tòa án. Từ năm 2016, chị L và anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B lâm vào cảnh ăn chơi cờ bạc, rượu chè, ngoài ra còn nhiều lần ra tay bóp cổ, đánh đập và còn hăm dọa sẽ giết chết chị L. Từ tháng 11-

2019 cho đến nay chị L và anh B đã ly thân với nhau, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng chị L cương quyết ly hôn với anh B, hơn nữa từ khi Tòa án hòa giải đến nay anh B cũng không thể hàn gắn tình cảm giữa hai bên.

Công văn số: 31/UBND-VP ngày 02-02-2021 của Ủy ban nhân dân xã An Phước về việc cung cấp thông tin cho Tòa án có nội dung như sau:

“1. Vợ chồng chị L và anh B có thường xuyên cãi vã.

2. Hiện tại chị L và anh B không còn sống chung. Chị L và anh B đã ly thân vào tháng 5 năm 2020.

3. Từ trước đến nay chị L không có phản ánh tình trạng hôn nhân đến UBND xã, nhưng có phản ánh đến Công an xã về tình trạng hôn nhân của mình 02 lần (vào tháng 6 và tháng 12 năm 2020). Qua đó Công an xã tiến hành mời chị L và anh B đến hòa giải, động viên 02 lần nhưng 02 bên không thống nhất”.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị L và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài nhiều năm, vậy nên nếu có tiếp tục sống chung cũng không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh B.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh B thống nhất có 02 con chung tên Trương Anh K, sinh ngày 22-02-2007 và Trương Thị Thảo V, sinh ngày 14-8-2011. Nay ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh B đồng ý tự nguyện giao con chung tên Trương Anh K, sinh ngày 22-02-2007 cho chị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh B không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung tên Trương Thị Thảo V, sinh ngày 14-8-2011, anh B yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh B không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con và cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định “...; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Xét thấy lời khai của cháu K và cháu V đều có nguyện vọng là muốn sống chung với chị L, hiện nay cháu K và cháu V cũng đang sống chung với chị L. Do đó, để không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu V nên chấp nhận yêu cầu của chị L, giao 02 con chung tên Trương Anh K và Trương Thị Thảo V cho chị L tiếp tục được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con và anh B không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh B đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”, vậy chị Võ Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019 0009050 ngày 20-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, chị Võ Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí. Anh Trương Văn B không phải chịu án phí.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Võ Thị Mỹ L.

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị Mỹ L được ly hôn với anh Trương Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Anh K, sinh ngày 22-02-2007 và Trương Thị Thảo V, sinh ngày 14-8-2011 cho chị Võ Thị Mỹ L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trương Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Võ Thị Mỹ L không yêu cầu cấp dưỡng, anh Trương Văn B không tự nguyện cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Mỹ L và anh Trương Văn B đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình:

Chị Võ Thị Mỹ L có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019 0009050 ngày 20-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp, chị Võ Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí.

Anh Trương Văn B không phải chịu án phí.

5. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 26-3-2021). Riêng bị đơn Trương Văn B vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- UBND xã An Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bé Hương